TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/HSST
Ngày: 08/02/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Thạnh.

2. Ông Trương Sô Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Loan – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2018/HSST ngày 19/01/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/HSST-QĐ ngày 24/01/2018 đối với bị cáo:

LÊ NGỌC V - sinh năm 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã T, huyện L, thành phố Cần Thơ.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Lê Ngọc S, sinh năm 1960 và bà Lê Thị L, sinh năm 1958; Anh chị em: có 03 người, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 22/11/2017.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

* *Người bị hại:* **Nguyễn Thị Xuân H**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khu vực D, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ. *(Có đơn xin vắng mặt)*

* <u>*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*</u>:

1/ Ông **Bùi Văn P**, sinh năm 1985. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Khóm X, phường V, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2/ Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1960. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp Tr, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 10 phút ngày 23/10/2017, Công an phường C nhận được tin báo của quần chúng nhân dân phát hiện đối tượng Lê Ngọc V, đột nhập vào vựa phế liệu Ngọc Tánh thuộc Khu vực D, phường C, quận M để trộm cắp tài sản, chưa lấy được tài sản thì bị người dân phát hiện và báo công an phường xử lý.

Quá trình điều tra chứng minh được ngày 11/10/2017, V đi bộ ngang qua cơ sở thu mua phế liệu Ngọc Tánh, do hết tiền tiêu xài nên V nảy sinh ý định vào vựa phế liệu để trộm cắp tài sản. V trèo qua hàng rào để vào vựa phế liệu, nhưng trước cửa có tấm tole được bắt ốc vít V không mở được nên V trèo ra ngoài rồi đi đến cây xăng Kim Vân thuộc ấp A, xã T, huyện L hỏi mượn chìa khóa 10-12, khi mượn V nói là để sửa xe. Sau đó V quay lại cơ sở thu mua phế liệu Ngọc Tánh mở các con ốc vít bắt vào tấm tole rồi đi vào bên trong. Khi vào được bên trong V tìm tài sản để lấy trộm thì thấy cái bàn gỗ có hộc tủ được khóa lại, trên bàn có để cây vít nên V dùng cây vít cạy tủ lấy ra được 2 cọc tiền gồm các tờ mệnh giá 1.000 đồng (Một nghìn đồng), 2.000 đồng (Hai nghìn đồng) và 5.000 đồng (Năm nghìn đồng), được buộc bằng dây thun và 01 số tiền lẻ ở bên ngoài, tiếp theo V mở hộc tủ phía dưới lấy 02 cọc tiền lẻ mệnh giá như trên buộc thành cọc bằng dây thun và lấy túi nylon bỏ tất cả số tiền vào và bỏ đi, tổng cộng số tiền V lấy trộm là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Sau khi lấy trộm tiền V đi chơi game, tiêu xài và mua vé xe khách xuống Cà Mau hết 470.000 đồng và trả tiền thiếu cho anh Bùi Văn P (chủ nhà trọ Yến Nhi) ở Khóm X, phường V, thành phố C hết 1.140.000 đồng do trước đó V cùng bạn gái tên Huỳnh Thùy Tr đến thuê phòng trọ của anh P để nghỉ, khi trả tiền V đưa tiền mệnh giá 1.000 đồng (Một nghìn đồng), 2.000 đồng (Hai nghìn đồng), V trả tiền nhà trọ cho người phụ nữ tên L, không rõ họ tên địa chỉ cụ thể (dì của Tr) hết 800.000 đồng và cho L thêm 200.000 đồng. Sau đó khi về Cần Thơ V còn đổi anh P 200.000 đồng các tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng (Một nghìn đồng), 2.000

đồng (Hai nghìn đồng) lấy tiền mệnh giá lớn hơn để dễ sử dụng. Khoảng 03 ngày sau V và Tr về quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thì V còn 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) V và Tr thuê phòng trọ ở và tiêu xài hết. V còn khai nhận, khoảng 23 giờ 30 phút ngày 21/10/2017 V lấy trộm 52kg sắt phế liệu ở nhà người dân (không biết rõ địa chỉ) thuộc xã T, huyện L, thành phố Cần Thơ đem bán cho người mua phế liệu được 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) V đã tiêu xài hết, đến ngày 22/12/2017 V đã giao nộp 5.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra.

Vật chứng tạm giữ: tiền Việt Nam 5.088.000 đồng (Năm triệu không trăm tám mươi tám nghìn đồng); 01 chìa khóa có 01 đầu số 10 và 01 đầu số 12 bằng kim loại; 01 cây vít có đầu dẹp có chui cầm bằng nhựa màu vàng xanh.

Qua điều tra, xác minh anh Bùi Văn P trình bày: Lê Ngọc V thường xuyên cùng Huỳnh Thùy Tr, ĐKTT: Ấp U, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau thuê phòng trọ. Đến ngày 13/10/2017 V có đến nhà trọ của anh để trả tiền, anh không biết nguồn gốc số tiền do đâu mà có, số tiền trên anh đã tiêu xài, còn lại 88.000 đồng anh P giao nộp lại cho cơ quan điều tra, anh không yêu cầu V phải trả lại cho anh và anh cũng không biết chị L và chị Tr hiện nay ở đâu do chị Linh và chị Tr đã chuyển nhà trọ đi nơi khác. Cơ quan điều tra xác minh nơi ở của chị L, chị Tr nhưng không xác định được.

Việc Lê Ngọc V thừa nhận lấy trộm 52kg sắt phế liệu của người dân, qua rà soát để tìm người mất trộm nhưng không ai trình báo việc mất trộm như trên.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Ô Môn đã trả cho bà Nguyễn Thị Xuân H 5.000.000 đồng, bà H không yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 19 tháng 01 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn đã truy tố Lê Ngọc V về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn trình bày lời luận tội vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo Lê Ngọc V theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Đồng thời phân tích những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Ngọc V mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Hình phạt bổ sung: Không.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử dụng áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo số tiền 88.000 đồng; Trả lại cho bà H 01 cây vít có đầu dẹp có chui cầm bằng nhựa (đã qua sử dụng); Tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa có 02 đầu số 10 và số 12 bằng kim loại.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không giải quyết.

- Bị cáo Lê Ngọc V thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng. Đồng thời, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng hình sự: Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về căn cứ buộc tội: Lời khai nhận của bị cáo Lê Ngọc V tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và vật chứng thu giữ được. Từ đó, có đủ cơ sở chứng minh vào đêm ngày 11/10/2017 đến rạng sáng ngày 12/10/2017, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, bị cáo đã lén lút lấy trộm số tiền 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* của bà Nguyễn Thị Xuân H để tiêu xài cá nhân.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn truy tố bị cáo Lê Ngọc V theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ khả năng nhận thức hành vi và có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra. Bị cáo có nhân thân không tốt, bị

cáo đã từng bị xử phạt tù về tội Trộm cắp tài sản nhưng sau đó bị cáo vẫn không sửa đổi bản thân, không tìm công việc phù hợp để tạo thu nhập hợp pháp mà lại nhiều lần có hành vi lấy trộm tài sản của người khác. Cụ thể, sau khi sử dụng hết số tiền lấy trộm của bà H, bị cáo tiếp tục quay lại vựa phế liệu của bà H nhằm mục đích tìm tài sản để lấy trộm nhưng lần này bị cáo chưa thực hiện được hành vi thì bị phát hiện. Bị cáo nhận thức được hành vi lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện cho thấy bị cáo phạm tội với ý thức chủ quan do lỗi cố ý.

Do đó, để có tác dụng giáo dục răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội cần có một mức án thật nghiêm khắc, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có thời gian ăn năn, hối cải về hành vi sai trái của mình, để từ đó biết sửa đổi bản thân, sống đặt mình trong khuôn khổ của pháp luật.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại; đồng thời, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết này để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 chìa khóa có 01 đầu số 10 và 01 đầu số 12 bằng kim loại xác định là tài sản của ông Huỳnh Văn T, ông T không biết bị cáo mượn chìa khóa để thực hiện hành vi phạm tội, lẽ ra cần trả lại tài sản này cho ông T nhưng do ông T không yêu cầu nhận lại tài sản và tài sản này cũng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 cây vít có đầu dẹp có chui cầm bằng nhựa màu vàng xanh thu giữ tại xưởng phế liệu của bà H là tài sản của bà H nên cho bà H được nhận lại tài sản này là phù hợp.

- Đối với số tiền 88.000 đồng (loại tiền mệnh giá 1.000 đồng) do anh Bùi Văn P giao nộp. Khi bị cáo trả tiền thuê phòng trọ, anh P không biết tiền này do bị cáo phạm tội mà có, nay anh tự nguyện giao nộp và không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 88.000 đồng cho anh. Do bị cáo đã thực hiện việc bồi thường xong nên Hội đồng xét xử thiết nghĩ cần trả lại cho bị cáo số tiền 88.000 đồng là hợp lý.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Xuân H không có yêu cầu gì và anh P cũng không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 88.000 đồng mà anh đã giao nộp. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009);

*** Tuyên bố:** Bị cáo Lê Ngọc V phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng**:** Khoản 1 Điều 138; Điều 33, Điểm b, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Lê Ngọc V 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn phạt tù tính từ ngày 22/11/2017.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Bà Nguyễn Thị Xuân H và anh Bùi Văn P không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

*** Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Lê Ngọc V số tiền 88.000 đồng *(Tám mươi tám nghìn đồng)* loại tiền mệnh giá 1.000 đồng *(Một nghìn đồng)*.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Xuân H 01 (một) cây vít có đầu dẹp có chui cầm bằng nhựa màu vàng xanh (đã qua sử dụng).

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chìa khóa có 01 đầu số 10 và 01 đầu số 12 bằng kim loại (đã qua sử dụng).

(Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn quản lý)

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Ngọc V phải nộp số tiền 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.Cần Thơ;
- VKSND Q.Ô Môn;
- Chi cục THADS Q.Ô Môn;
- Công an quận Ô Môn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế